

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể CTMTQG)	Chi thường xuyên (Không kể CTMTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	12
	TỔNG SỐ	673.818,1	153.207,0	520.611,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	617.617,6	153.207,0	464.410,6	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
1	Văn phòng Huyện ủy	14.657,8		14.657,800								
2	Văn phòng HĐND và UBND huyện	9.814,7		9.814,700								
3	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	10.666,6		10.666,600								
4	Phòng Tư pháp	843,5		843,500								
5	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	16.330,4		16.330,400								
6	Bảo hiểm xã hội Tây Hòa	413,3		413,300								
7	Phòng Tài chính - Kế hoạch	2.113,8		2.113,800								
8	Phòng Giáo dục và Đào tạo	8.682,0		8.682,000								
9	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1.410,9		1.410,900								
10	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	104.793,4		104.793,400								
11	Phòng Nội vụ	2.108,4		2.108,400								
12	Phòng Văn hoá và Thông tin	1.257,4		1.257,400								
13	Thanh tra huyện	897,0		897,000								
14	Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh huyện	3.460,6		3.460,600								
15	Ủy ban Mặt trận TQVN huyện	1.883,9		1.883,900								
16	Hội Nông dân huyện	1.335,4	500,0	835,400								
17	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	795,4		795,400								
18	Hội Cựu chiến binh huyện	686,0		686,000								
19	Huyện đoàn Tây Hòa	863,3		863,300								

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể CTMTQG)	Chi thường xuyên (Không kể CTMTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
20	Ban Chỉ huy Quân sự huyện	1.270,0		1.270,000								
21	Công an huyện	1.182,6		1.182,600								
22	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	149.718,4	149.707,0	11,400								
23	Trung tâm Phát triển quỹ đất	1.796,0		1.796,000								
24	Trung tâm Chính trị huyện	1.611,4		1.611,400								
25	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	3.168,1		3.168,100								
26	Chi nhánh Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội	1.000,0		1.000,000								
27	Hội Đông y huyện	227,0		227,000								
28	Hội Chữ thập đỏ huyện	607,6		607,600								
29	Hội nạn nhân chất độc da cam/Đioxin huyện	85,8		85,800								
30	Hội người cao tuổi huyện	443,6		443,600								
31	Hội Khuyến học huyện	94,4		94,400								
32	Hội Cựu thanh niên xung phong huyện	79,1		79,100								
33	Hội Văn học nghệ thuật huyện	100,8		100,800								
34	Hội Người mù huyện	85,8		85,800								
35	Hội Tù chính trị yêu nước huyện	85,8		85,800								
36	Trường MN Hoà Bình 1	3.101,5		3.101,500								
37	Trường MN thị trấn Phú Thứ	3.189,7		3.189,700								
38	Trường MN Hoà Đồng	2.727,3		2.727,300								
39	Trường MN Hoà Thịnh	2.593,3		2.593,257								
40	Trường MN Hoà Mỹ Đông	2.914,2		2.914,200								
41	Trường MN Hoà Mỹ Tây	2.178,9		2.178,900								